

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/DSPT
Ngày: 20 – 9 – 2022
Về Tranh chấp lối đi chung

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền

Các Thẩm phán: Bà Trương Thị Lệ Thu; Bà Trịnh Thị Thiện

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Minh Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2022/TLPT-DS ngày 08/8/2022, về Tranh chấp lối đi chung.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DSST ngày 26/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh bị kháng cáo. Theo quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số 13/2022/TB-TA ngày 24/8/2022; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê T, sinh năm: 1958 và Bà Phạm Thị L; sinh năm: 1963. Địa chỉ: Tổ dân phố Hưng Hòa, phường Hưng Trí, thị xã Kỳ Anh, Hà Tĩnh, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê T: Ông Nguyễn Gia T1, sinh năm: 1995; Địa chỉ: Thôn Minh Lộc, xã Cẩm Lộc, huyện Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị L: Ông Lê T, sinh năm: 1958; Địa chỉ: Tổ dân phố Hưng Hòa, phường Hưng Trí, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Nguyễn Đình G; Luật sư – Văn phòng Luật sư Lê H thuộc Đoàn Luật sư Hà Tĩnh, có mặt.

Bị đơn: Ông Vương Đình N, sinh năm: 1974 và Bà Lê Thị Th, sinh năm: 1975. Địa chỉ: Tổ dân phố Tân Phong, phường Kỳ Thịnh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:

Ông Mai Xuân Đ, sinh năm: 1982; Luật sư - Công ty luật Pháp Viện thuộc Đoàn Luật sư Hà Tĩnh Địa chỉ: Phường Hưng Trí, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân thị xã Kỳ Anh, vắng mặt
2. Ủy ban nhân dân phường Kỳ Thịnh, thị xã Kỳ Anh, vắng mặt.
3. Ông Hà Hữu H; sinh năm 1962; địa chỉ: Tổ dân phố Hưng Lợi, phường Hưng Trí, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.

Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Đình N1, sinh năm: 1936; Địa chỉ: Tổ dân phố Nam Phong, phường Kỳ Thịnh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt.
2. Bà Trần Thị D, sinh năm 1968; Địa chỉ: Tổ dân phố Tân Phong, phường Kỳ Thịnh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt.
3. Ông Trương Xuân L, sinh năm 1948; Địa chỉ: Tổ dân phố Tân Phong, phường Kỳ Thịnh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt.
4. Ông Trần Khánh N2, sinh năm 1944; Địa chỉ: Tổ dân phố Tân Phong, phường Kỳ Thịnh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt.
5. Ông Lê Văn T3; Địa chỉ: Tổ dân phố Tân Phong, phường Kỳ Thịnh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết và tại phiên tòa sơ thẩm phía nguyên đơn trình bày:

Năm 1993 vợ chồng Lê T được Nhà nước cấp cho 01 thửa đất tại thôn Tân phong, xã Kỳ Thịnh, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh (Nay là tổ dân phố Tân Phong, phường Kỳ Thịnh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh). Hiện trạng lúc cấp đất thì có lối đi từ đường Quốc lộ 1A vào đất của ông với chiều rộng 03m, chiều dài 27m được thể hiện trên bản đồ 371, được chính quyền địa phương và các hộ dân xung quanh xác nhận. Ngày 17/3/2014 gia đình ông được UBND huyện Kỳ Anh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO856453 đối với thửa đất nói trên. Đến năm 2015 lối đi từ Quốc lộ 1A vào thửa đất của gia đình ông đã bị vợ chồng ông Vương Đình N và bà Lê Thị Th ngang nhiên lấn chiếm dùng lớp ô tô chắn ngang dẫn đến việc gia đình ông không có lối đi vào thửa đất. Bên cạnh lấn chiếm lối đi nói trên thì ông N còn lấn chiếm của ông diện tích đất 38 m² (chiều dài 7,6m và chiều rộng 05m). Sự việc đã được UBND phường Kỳ Thịnh hòa giải nhiều lần và đã có văn bản yêu cầu gia đình ông N tháo dỡ, di dời các phương tiện vật để trả lại lối đi công cộng nhưng gia đình ông vẫn không chấp hành. Nên ông yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh buộc ông N và bà Th chấm dứt việc chiếm dụng trái phép lối đi chung và tháo dỡ, di chuyển các công trình, cây cối và hướng N vật

trên lối đi vào thửa đất của ông, trả lại cho nguyên đơn diện tích 38 m² tại tổ dân phố Tân Phong, phường Kỳ Thịnh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn xin rút phần yêu cầu trả lại diện tích 38 m², giữ nguyên yêu cầu buộc bị đơn chấm dứt việc chiếm dụng trái phép lối đi chung và tháo dỡ, di chuyển các công trình, cây cối và hướng N vật trên lối đi vào thửa đất của nguyên đơn tại Tổ dân phố Tân Phong, phường Kỳ Thịnh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

* Theo bản tự khai ngày 04-6-2018, bản kiến nghị về tranh chấp đất đai ngày 09/-01-2019, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Vương Đình N và bà Lê Thị Th trình bày:

Gia đình ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì: Năm 1992 bố bị đơn là ông Vương Đình T4 được hợp tác xã Thượng Phong, xã Kỳ Thịnh, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh cấp cho 01 thửa đất để làm nhà ở và sản xuất, có tứ cận: Bắc G quốc lộ 1A có chiều dài 120m, Nam G trại Vần có chiều dài 100m, Tây G nhà ông Trần Khánh N2 có chiều dài 50m, Đông G đất ông Hùng có chiều dài 50m giấy cấp đất cho bố bị đơn được UBND xã Kỳ Thịnh xác nhận vào ngày 05/3/1992. Sau đó bố bị đơn là ông Vương Đình T4 đã phân chia thửa đất trên cho các con trong gia đình để làm nhà ở và sản xuất hoa màu. Khi UBND xã Kỳ Thịnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bị đơn, do ông không có mặt tại địa phương nên chính quyền đã đo đạc, cấp thiếu đất của bị đơn so với hiện trạng thực tế. Đất của bị đơn sử dụng ổn Đ từ năm 1988 cho đến nay, không thay đổi ranh giới sử dụng, không ai tranh chấp. Đến năm 2009 gia đình ông chuyển nhượng cho ông Hà Hữu H 240 m² đất vườn và năm 2012 chuyển nhượng cho ông Phan T1 Dũng 336 m² (trong đó 100 m² đất ở và 236 m² đất trồng cây lâu năm). Tuy nhiên, vào năm 2013 ông Lê T (người mua đất của bà Trần Thị D năm 1996) tranh chấp đòi lấy diện tích đất của bị đơn để làm lối đi từ thửa đất của nguyên đơn ra đường quốc lộ 1A, trong khi bà Trần Thị D người bán đất cho nguyên đơn khẳng Đ mảnh đất gia đình bà bán cho nguyên đơn là đất tuyến hai, hoàn toàn không có lối đi ra quốc lộ 1A và thừa nhận phần đất đang tranh chấp là của bị đơn. Việc nguyên đơn và UBND thị xã Kỳ Anh, UBND phường Kỳ Thịnh cho rằng đây là lối đi công cộng và yêu cầu bị đơn phải di dời cây cối, vật dụng ra khỏi phần đất của bị đơn là không đúng, không có căn cứ theo quy Đ của pháp luật. Nên bị đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận quyền sử dụng phần đất trên là của bị đơn, không phải là lối đi công cộng.

Đại diện người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan UBND phường Kỳ Thịnh trình bày: Phần đất mà gia đình ông Lê T và gia đình ông Vương Đình N

đang tranh chấp thuộc lối đi công cộng đã phản ánh rõ trong bản đồ 371 do chính quyền địa phương quản lý, không thuộc quyền sở hữu của bất kỳ cá nhân nào, UBND phường Kỳ Thịnh đã nhiều lần thông báo yêu cầu gia đình ông Vương Đình N tháo dỡ công trình, cây cối, vật dụng trên đất để trả lại lối đi công cộng nhưng gia đình ông Vương Đình N không chấp hành.

Đại diện người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan UBND thị xã Kỳ Anh trình bày:

Nội dung vụ kiện mà Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh đang giải quyết liên quan đến sự việc vào năm 2017 UBND thị xã Kỳ Anh đã tiếp nhận đơn, xử lý và ban hành Thông báo số 142/TB-UBND ngày 21/4/2017. Đến nay, quan điểm của UBND thị xã Kỳ Anh vẫn giữ nguyên quan điểm như sau:

Thửa đất của gia đình ông Vương Đình N đã được UBND huyện Kỳ Anh (cũ) cấp GCNQSD đất số BH 304239, số vào sổ cấp GCN: CH 00010 ngày 14/02/2012, tại thửa đất số 94C, tờ bản đồ số 50/371 với tổng diện tích 4.660 m² trong đó 300 m² đất ở và 4.360,7m² đất trồng cây lâu năm. Thửa đất của gia đình ông Vương Đình N có vị trí tiếp G như sau: Phía Đông G đất ông Hệ, phía Tây G đất ông H và ông T, phía Nam G đất ông Tánh và đường liên xã rộng 9m, phía Bắc G hành Lg 203 đường Quốc lộ 1A. Theo đó, phần diện tích đất đã được UBND huyện Kỳ Anh cấp GCNQSD đất cho gia đình ông N không có diện tích đang tranh chấp.

Thửa đất gia đình ông Lê T được UBND huyện Kỳ Anh cấp GCNQSD đất số BX 938309, số vào sổ CH 00756, cấp ngày 18/12/2014 tại thửa 92, tờ bản đồ số 50/371 với tổng diện tích 1.468,2m², trong đó 400m² đất ở và 1.068,2m² đất trồng cây lâu năm. Thửa đất của gia đình ông T có vị trí tiếp G như sau: Phía Đông G đất ông N; phía Tây G đất ông Tuyn; phía Nam G đất bà Vượng và đất bà D; phía Bắc G đất bà Hoa, đất ông Thúc, ngõ vào nhà rộng 2,04m và đất ông H.

Kiểm tra tờ bản đồ số 50/371 lập năm 2005 cho thấy giữa thửa đất số 84 mang tên ông Lương Bường với thửa đất số 94 mang tên ông Vương Đình N có thể hiện lối đi rộng 3m từ đường Quốc lộ 1A vào thửa đất số 92 mang tên ông Lê T (lối đi này thuộc thửa số 74, loại đất giao thông do UBND xã Kỳ Thịnh quản lý).

Như vậy, căn cứ hồ sơ cấp GCNQSD đất và hồ sơ bản đồ địa chính xã Kỳ Thịnh (nay là phường Kỳ Thịnh) cho thấy phần diện tích hiện nay đang tranh chấp không thuộc đất của gia đình ông Vương Đình N, cũng không thuộc đất của ông Lê T, mà là đất giao thông do UBND phường Kỳ Thịnh quản lý. Do vậy, gia đình ông Vương Đình N dùng chướng ngại vật và trồng cây cối cản trở trên lối đi công cộng là không đúng với quy Đ của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hà Hữu H trình bày:

Nguồn gốc thửa đất vợ chồng ông được UBND huyện Kỳ Anh cấp QSDĐ số AQ 124041 ngày 03/11/2009 có diện tích 240 m² tại tổ dân phố Tân Phong, phường Kỳ Thịnh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh là đất vợ chồng ông nhận chuyển nhượng từ vợ chồng ông Vương Đình N, quá trình làm hồ sơ để cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho đến khi cấp giấy chứng nhận QSDĐ không thể hiện tiếp G lối đi từ Quốc lộ 1A đi vào phần đất ông Lê T mà chỉ phản ánh trên sơ đồ là tiếp G phần đất ông Vương Đình N. Hiện tại phần đất của ông đã xây hàng rào xung quanh và cắm mốc cố Đ nên không có tranh chấp với ai, việc ông T và ông N tranh chấp phần diện tích đất tiếp G với đất của gia đình ông, gia đình ông không liên quan, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết đúng quy Đ pháp luật.

Người làm chứng ông Nguyễn Đình N1(nguyên Bí thư Đảng ủy xã Kỳ Thịnh cũ), ông Trương Xuân L (Nguyên Trưởng Công an xã Kỳ Thịnh cũ), ông Trần Khánh N2(Nguyên cán bộ Văn phòng xã Kỳ Thịnh cũ), bà Trần Thị D(người bán đất cho ông Lê T) đều trình bày: Nguồn gốc diện tích đất đang tranh chấp không thuộc đất công cộng mà là đất của ông Vương Đình N, đất ông Lê T mua lại đất của gia đình bà D thuộc tuyến 2, không có lối đi nào đi ra đường Quốc lộ 1A, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Người làm chứng ông Lê Văn T3(nguyên Phó chủ nhiệm HTX Thương Phong, xã Kỳ Thịnh cũ) trình bày: Nguồn gốc diện tích đất đang tranh chấp thuộc đất giao thông, đây là con đường đi từ Quốc lộ 1A đi vào phần đất ông Lê T(mua lại đất của gia đình bà D năm 1993) đã có từ lâu, nên không thuộc quyền sử dụng của ông Vương Đình N và cũng không thuộc quyền sử dụng của ông Lê T, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Tại bản án dân sự sơ thẩm 02/2022/DSST ngày 26/4/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh quyết Đ:

Căn cứ khoản 2, khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 155, Khoản 1 Điều 157, Điều 158, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 163, Điều, Điều 164, Điều 169 của Bộ luật dân sự; Điều 203 Luật đất đai 2013.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy Đ về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

T xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê T và bà Phạm Thị L, buộc ông Vương Đình N và bà Lê Thị Th chấm dứt hành vi cản trở trên lối đi công cộng từ Quốc lộ 1A vào thửa đất ông Lê T và bà Phạm Thị L có diện tích là 113 m² thuộc thửa đất số 74, loại đất giao thông do UBND phường Kỳ Thịnh quản lý, đất tọa

lạc tại Tổ dân phố Tân Phong, phường Kỳ Thịnh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.
Đất có tứ cận:

- Phía G Quốc lộ 1A dài 3,63m;
- Phía G đất ông T dài 5,39m;
- Phía G đất ông Thúc dài 25,37m;
- Phía G đất ông H dài 25m.

Ngoài ra án sơ thẩm còn T về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy Đ của pháp luật.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 28/4/2022 bị đơn ông Vương Đình N, bà Lê Thị Th kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và đề nghị Tòa phúc hủy bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự. Sau khi phân tích đánh giá các chứng cứ của vụ án, quyết Đ của bản án sơ thẩm đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữa nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN Đ CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận, HĐXX thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn làm trong hạn luật Đ được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Phiên tòa mở lần thứ nhất bị đơn Vương Đình N có đơn xin hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay một số người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, Tòa án đã triệu tập họ hợp lệ nhưng tại phiên tòa mở lần thứ hai họ vắng mặt. Xét thấy những người này đã có ý kiến đầy đủ lưu trong hồ sơ nên sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử nên căn cứ khoản 3 Điều 296 BLTTDS Tòa án T1 hành xét xử vụ án theo quy Đ của pháp luật.

[2] Về nội dung

Xét về nội dung kháng cáo của bị đơn Hội đồng xét xử thấy rằng :

Thửa đất gia đình ông Lê T được UBND huyện Kỳ Anh cấp GCNQSD đất số BX 938309, sổ vào sổ CH 00756, cấp ngày 18/12/2014 tại thửa 92, tờ bản đồ số 50/371 với tổng diện tích 1.468,2m², trong đó 400 m² đất ở và 1.068,2 m² đất trồng cây lâu năm. Thửa đất của gia đình ông T có vị trí tiếp G như sau: Phía Đông G đất ông N; phía Tây G đất ông Tuyn; phía Nam G đất bà Vượng và đất bà D; phía Bắc G đất bà Hoa, đất ông Thúc, ngõ vào nhà rộng 2,04m và đất ông H.

Thửa đất của gia đình ông Vương Đình N đã được UBND huyện Kỳ Anh (cũ) cấp GCNQSD đất số BH 304239, số vào sổ cấp GCN: CH 00010 ngày 14/02/2012, tại thửa đất số 94C, tờ bản đồ số 50/371 với tổng diện tích 4.660,7 m² trong đó 300 m² đất ở và 4.360,7 m² đất trồng cây lâu năm. Tại biên bản kiểm tra thực địa của UBND xã Kỳ Thịnh (cũ) thể hiện phần diện tích gia đình đang sử dụng là 5140,7 m². Kiểm tra trên bản đồ 371 thì phần diện tích của gia đình ông N có diện tích 5557,3 m². Lý do diện tích được cấp trong giấy CNQSD đất của ông N nhỏ hơn diện tích trên bản đồ 371 là khi cấp giấy cán bộ địa chính đã trừ phần hành Lg mốc 203 và trừ đi phần diện tích ông N đã chuyển nhượng cho ông Hà Hữu H, ông Miên trước khi cấp năm 2012.

Thửa đất của gia đình ông Vương Đình N có vị trí tiếp G như sau: Phía Đông G đất ông Hệ, phía Tây G đất ông H và ông T, phía Nam G đất ông Tánh và đường liên xã rộng 9m, phía Bắc G hành Lg 203 đường Quốc lộ 1A.

Qua kiểm tra hồ sơ địa chính là tờ bản đồ số 50/371 lập năm 2005 cho thấy giữa thửa đất số 84 mang tên ông Lương Bường với thửa đất số 94 mang tên ông Vương Đình N có thể hiện lối đi rộng 3m từ đường Quốc lộ 1A vào thửa đất số 92 mang tên ông Lê T (lối đi này thuộc thửa số 74, loại đất giao thông do UBND xã Kỳ Thịnh quản lý).

Đất ông N được cấp năm 2012 trong khi con đường hai bên đường sự đang tranh chấp được thể hiện trên bản đồ 371 lập năm 2004. Kiểm tra giấy cấp đất cho hộ ông Vương Đình T2(bố ông Vương Đình N) của Hợp tác xã Kỳ Thịnh năm 1992, phía Bắc của thửa đất G đường quốc lộ 1A có chiều dài (120m) nhỏ hơn số liệu thực tế tại Giấy cấp đất năm 2012 của ông N (122m)

Như vậy, căn cứ hồ sơ cấp GCNQSD đất và hồ sơ bản đồ địa chính xã Kỳ Thịnh (nay là phường Kỳ Thịnh) cũng như các văn bản, lời khai của đại diện chính quyền địa phương thì thấy rằng: phần diện tích hiện nay đang tranh chấp không thuộc đất của gia đình ông Vương Đình N, cũng không thuộc đất của ông Lê T, mà là đất giao thông do UBND phường Kỳ Thịnh quản lý.

Quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa, ông Vương Đình N đề nghị đưa các anh em của ông vào tham gia tố tụng, lý do: Thửa đất có giấy CNQSD đất mang tên Vương Đình N cũng như thửa đất có diện tích 130m² đang tranh chấp với nguyên đơn có nguồn gốc là đất của cha mẹ ông để lại cho các anh em trong gia đình. Thửa đất có chiều rộng 5m, chiều sâu 27m đang tranh chấp với ông Lê T, anh em thống nhất cho em trai út Vương Đình T5.

Về yêu cầu này của ông Vương Đình N HĐXX thấy rằng: thửa đất mang tên Vương Đình N, Lê Thị Th được UBND huyện Kỳ Anh cấp năm 2012 cho vợ chồng ông. Qua kiểm tra hồ sơ cấp giấy CNQSD đất thấy rằng quá trình thực hiện cấp giấy CNQSD đất được T1 hành đúng trình tự thủ tục theo quy Đ của pháp

luật, việc cấp giấy CNQSD đất cho ông Vương Đình N, Lê Thị Th không có ai có tranh chấp hay khiếu nại gì. Vì vậy không có căn cứ để đưa những người anh em trong gia đình ông N tham gia tố tụng như yêu cầu của ông Vương Đình N.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử thấy rằng không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn.

[3]. Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Vương Đình N, bà Lê Thị Th

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 26/02/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

Căn cứ khoản 2, khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 155, Khoản 1 Điều 157, Điều 158, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 163, Điều, Điều 164, Điều 169 của Bộ luật dân sự; Điều 203 Luật đất đai 2013.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

T xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê T và bà Phạm Thị L, buộc ông Vương Đình N và bà Lê Thị Th chấm dứt hành vi cản trở trên lối đi công cộng từ Quốc lộ 1A vào thửa đất ông Lê T và bà Phạm Thị L có diện tích là 113 m² thuộc thửa đất số 74, loại đất giao thông do UBND phường Kỳ Thịnh quản lý, đất tọa lạc tại Tổ dân phố Tân Phong, phường Kỳ Thịnh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. Đất có tứ cận:

- Phía G Quốc lộ 1A dài 3,63m;
- Phía G đất ông T dài 5,39m;
- Phía G đất ông Thức dài 25,37m;
- Phía G đất ông H dài 25m.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về lệ phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ số tiền lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Vương Đình N, Lê Thị Th phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho nguyên đơn ông Lê T, bà Phạm Thị L 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục THADS thị xã Kỳ Anh theo biên lai số AA/2016/0007228 ngày 02/12/2019.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn Vương Đình N, Lê Thị Th phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục THADS thị xã Kỳ Anh theo biên lai số 0015546 ngày 17/5/2022.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày T án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- TA, VKS, THADS sơ thẩm
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Hiền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THÀNH VIÊN HĐXX

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thu Hiền